

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng 11 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành  
Dự án Phát triển nông thôn tổng hợp các tỉnh miền Trung  
- Khoản vay bổ sung  
Dự án thành phần: Sửa chữa nâng cấp hồ chứa Hội Khánh**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 64/2018/TT-BTC ngày 30/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước;

Căn cứ Công văn số 6814/BNN-TC ngày 17/9/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc chi phí quản lý dự án của Dự án “Phát triển nông thôn tổng hợp các tỉnh miền Trung - Khoản vay bổ sung”;

Căn cứ Quyết định số 3759/QĐ-UBND ngày 17/10/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự toán chi tiết chi phí quản lý dự án Dự án “Phát triển nông thôn tổng hợp các tỉnh miền Trung - Khoản vay bổ sung”;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 544/TTr-STC ngày 28/10/2019;

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành với các nội dung sau:**

- Tên dự án: Dự án Phát triển nông thôn tổng hợp các tỉnh miền Trung - Khoản vay bổ sung.
- Tên dự án thành phần: Sửa chữa nâng cấp hồ chứa Hội Khánh.
- Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bình Định.
- Đại diện chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Thủy lợi (nay chuyển sang cho Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Định).
- Thời gian khởi công - hoàn thành: Từ ngày 20/12/2016 đến ngày 05/01/2019.
- Địa điểm xây dựng: Xã Mỹ Hòa, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.
- Cấp quyết định đầu tư: UBND tỉnh Bình Định

## Điều 2. Kết quả đầu tư

### 1. Nguồn vốn đầu tư:

*Đvt: đồng*

| Nguồn                                                                       | Giá trị phê duyệt quyết toán | Thực hiện             |                      |
|-----------------------------------------------------------------------------|------------------------------|-----------------------|----------------------|
|                                                                             |                              | Đã thanh toán         | Còn được thanh toán  |
| <b>Tổng số</b>                                                              | <b>36.675.459.000</b>        | <b>35.398.038.000</b> | <b>1.277.421.000</b> |
| 1. Đã thanh toán                                                            |                              | 35.635.483.000        |                      |
| a. Vốn vay Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB)                                |                              | 29.014.166.000        |                      |
| - Năm 2015                                                                  |                              | 264.000.000           |                      |
| - Năm 2016                                                                  |                              | 37.192.000            |                      |
| - Năm 2017                                                                  |                              | 2.994.771.000         |                      |
| - Năm 2018                                                                  |                              | 25.718.203.000        |                      |
| b. Vốn trái phiếu Chính phủ năm 2014                                        |                              | 980.120.000           |                      |
| c. Vốn ngân sách tỉnh                                                       |                              | 3.743.197.000         |                      |
| - Nguồn cấp quyền sử dụng đất                                               |                              | 1.001.855.000         |                      |
| + Năm 2015                                                                  |                              | 720.057.000           |                      |
| + Năm 2017                                                                  |                              | 281.798.000           |                      |
| - Nguồn đối ứng ODA                                                         |                              | 303.638.000           |                      |
| + Năm 2015                                                                  |                              | 73.933.000            |                      |
| + Năm 2016                                                                  |                              | 229.705.000           |                      |
| - Nguồn thu cổ tức năm 2016                                                 |                              | 2.105.564.000         |                      |
| - Nguồn tăng thu 2015 để cải cách tiền lương năm 2016 (thanh toán năm 2017) |                              | 115.620.000           |                      |
| - Nguồn đầu tư tập trung năm 2018                                           |                              | 216.520.000           |                      |
| d. Vốn ngân sách huyện Phù Mỹ                                               |                              | 1.898.000.000         |                      |

|                              |  |               |  |
|------------------------------|--|---------------|--|
| - Nguồn thu tiền sử dụng đất |  | 1.100.000.000 |  |
| + Năm 2015                   |  | 400.000.000   |  |
| + Năm 2016                   |  | 700.000.000   |  |
| - Nguồn đầu tư tập trung     |  | 798.000.000   |  |
| + Năm 2017                   |  | 200.000.000   |  |
| + Năm 2018                   |  | 598.000.000   |  |
| 2. Vốn đã thu hồi            |  | 178.001.000   |  |
| 3. Vốn còn phải thu hồi      |  | 59.444.000    |  |

2. Chi phí đầu tư:

*Dvt: đồng*

| Nội dung                                            | Dự toán               | Giá trị quyết toán    |
|-----------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>Tổng số</b>                                      | <b>38.268.564.363</b> | <b>36.675.459.000</b> |
| 1. Bồi thường, GPMB                                 | 2.408.935.363         | 2.257.422.000         |
| - Đo vẽ địa chính                                   | 141.810.000           | 101.109.000           |
| - Bồi thường, GPMB                                  | 2.267.125.363         | 2.156.313.000         |
| 2. Xây dựng                                         | 29.605.994.000        | 29.325.327.000        |
| a. Bình Định-03-XL: lô 01                           | 10.777.655.000        | 10.701.498.000        |
| - Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Nhơn Lộc thực hiện | 6.633.699.000         | 6.632.193.000         |
| + Xây dựng                                          | 6.562.826.000         | 6.561.320.000         |
| + Hạng mục chung                                    | 70.873.000            | 70.873.000            |
| Bảo hiểm công trình                                 | 41.230.000            | 41.230.000            |
| Chi phí xây dựng nhà tạm để ở và điều hành thi công | 29.643.000            | 29.643.000            |
| - Công ty Cổ phần Xây dựng 47 thực hiện             | 4.143.956.000         | 4.069.305.000         |
| + Xây dựng                                          | 4.097.891.000         | 4.023.240.000         |
| + Hạng mục chung                                    | 46.065.000            | 46.065.000            |

|                                                            |                |                |
|------------------------------------------------------------|----------------|----------------|
| <i>Bảo hiểm công trình</i>                                 | 26.801.000     | 26.801.000     |
| <i>Chi phí xây dựng nhà tạm để ở và điều hành thi công</i> | 19.264.000     | 19.264.000     |
| b. Bình Định-03-XL: lô 02                                  | 18.828.339.000 | 18.623.829.000 |
| - Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Nhơn Lộc thực hiện        | 11.931.536.000 | 11.785.579.000 |
| + <i>Xây dựng</i>                                          | 11.786.684.000 | 11.640.727.000 |
| + <i>Hạng mục chung</i>                                    | 144.852.000    | 144.852.000    |
| <i>Bảo hiểm công trình</i>                                 | 69.671.000     | 69.671.000     |
| <i>Chi phí xây dựng nhà tạm để ở và điều hành thi công</i> | 75.181.000     | 75.181.000     |
| - Công ty Cổ phần Xây dựng 47 thực hiện                    | 6.896.803.000  | 6.838.250.000  |
| + <i>Xây dựng</i>                                          | 6.816.941.000  | 6.758.388.000  |
| + <i>Hạng mục chung</i>                                    | 79.862.000     | 79.862.000     |
| <i>Bảo hiểm công trình</i>                                 | 46.448.000     | 46.448.000     |
| <i>Chi phí xây dựng nhà tạm để ở và điều hành thi công</i> | 33.414.000     | 33.414.000     |
| 3. Quản lý dự án                                           | 884.643.000    | 884.643.000    |
| 4. Tư vấn đầu tư xây dựng                                  | 3.651.634.000  | 3.410.470.000  |
| - Khảo sát; Lập dự án đầu tư                               | 993.496.000    | 934.052.000    |
| + <i>Khảo sát địa hình</i>                                 |                | 417.649.000    |
| + <i>Khảo sát địa chất</i>                                 |                | 280.206.000    |
| + <i>Lập dự án đầu tư</i>                                  |                | 210.547.000    |
| + <i>Chi phí dịch tài liệu sang tiếng Anh</i>              |                | 25.650.000     |
| - Thẩm tra tính hiệu quả và khả thi của dự án              | 25.349.000     | 25.349.000     |
| - Khảo sát; Lập thiết kế bản vẽ thi công-dự toán           | 1.678.597.000  | 1.678.597.000  |
| - Thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công-dự toán                | 90.710.000     | 85.918.000     |

|                                                                |             |             |
|----------------------------------------------------------------|-------------|-------------|
| - Lập hồ sơ mời thầu và phân tích, đánh giá hồ sơ dự thầu      | 73.170.000  | 73.170.000  |
| - Giám sát thi công xây dựng                                   | 613.384.000 | 613.384.000 |
| - Chi phí giám sát, đánh giá chủ đầu tư                        | 176.928.000 | 0           |
| 5. Chi phí khác                                                | 313.513.000 | 342.404.000 |
| - Lệ phí thẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu | 33.260.000  | 33.260.000  |
| - Thẩm định dự án đầu tư                                       | 7.934.000   | 7.933.000   |
| - Kiểm toán quyết toán                                         | 203.167.000 | 203.167.000 |
| - Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán                       | 69.152.000  | 98.044.000  |
| 6. Đào tạo, tập huấn                                           | 72.969.000  | 72.969.000  |
| 7. An toàn và tham gia của cộng đồng                           | 36.000.000  | 28.500.000  |
| 8. Rà phá bom mìn, vật nổ                                      | 353.724.000 | 353.724.000 |
| - Khảo sát rà phá bom mìn, vật nổ                              |             | 9.916.000   |
| - Rà phá bom mìn, vật nổ                                       |             | 343.808.000 |
| 9. Dự phòng chi                                                | 941.152.000 | 0           |

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: 101.469.000 đồng.

a. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: không.

b. Chi phí không tạo nên tài sản: (Chi phí đào tạo, tập huấn; An toàn và tham gia của cộng đồng): 101.469.000 đồng.

4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư: 36.573.990.000 đồng.

5. Vật tư thiết bị tồn đọng: không

### **Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan:**

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

a. Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là: 36.675.459.000 đồng.

*Đvt: đồng*

| <b>Nguồn</b>   | <b>Số tiền</b>        | <b>Ghi chú</b> |
|----------------|-----------------------|----------------|
| <b>Tổng số</b> | <b>36.675.459.000</b> |                |

|                                                       |                |  |
|-------------------------------------------------------|----------------|--|
| 1. Đã bố trí                                          | 35.635.483.000 |  |
| a. Vốn vay Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB)          | 29.014.166.000 |  |
| b. Vốn trái phiếu Chính phủ                           | 980.120.000    |  |
| c. Vốn ngân sách tỉnh                                 | 3.743.197.000  |  |
| - Nguồn cấp quyền sử dụng đất                         | 1.001.855.000  |  |
| - Nguồn đối ứng ODA                                   | 303.638.000    |  |
| - Nguồn thu cổ tức                                    | 2.105.564.000  |  |
| - Nguồn tăng thu 2015 để cải cách tiền lương năm 2016 | 115.620.000    |  |
| - Nguồn đầu tư tập trung                              | 216.520.000    |  |
| d. Vốn ngân sách huyện Phù Mỹ                         | 1.898.000.000  |  |
| - Nguồn thu tiền sử dụng đất                          | 1.100.000.000  |  |
| - Nguồn đầu tư tập trung                              | 798.000.000    |  |
| 2. Vốn đã thu hồi                                     | 178.001.000    |  |
| 3. Vốn còn phải thu hồi                               | 59.444.000     |  |
| 4. Chưa bố trí                                        | 1.277.421.000  |  |

b. Tổng các khoản công nợ tính đến ngày lập báo cáo quyết toán (24/6/2019) là:

- Tổng nợ phải thu: 59.444.000 đồng. Trong đó chi phí:

*Dvt: đồng*

| Nội dung                                              | Số tiền           | Ghi chú |
|-------------------------------------------------------|-------------------|---------|
| <b>Tổng số</b>                                        | <b>59.444.000</b> |         |
| - Tư vấn đầu tư xây dựng (Khảo sát; Lập dự án đầu tư) | 59.444.000        |         |
| + <i>Khảo sát địa chất</i>                            | <i>23.958.000</i> |         |
| + <i>Lập dự án đầu tư</i>                             | <i>35.486.000</i> |         |

- Tổng nợ phải trả: 1.277.421.000 đồng. Trong đó chi phí:

*Đvt: đồng*

| <b>Nội dung</b>                                                           | <b>Số tiền</b>       | <b>Ghi chú</b> |
|---------------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------|
| <b>Tổng số</b>                                                            | <b>1.277.421.000</b> |                |
| - Xây dựng                                                                | 1.111.555.000        |                |
| + Bình Định-03-XL: lô 01 do Công ty Cổ phần Xây dựng 47 thực hiện         | 198.745.000          |                |
| + Bình Định-03-XL: lô 02                                                  | 912.810.000          |                |
| Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Nhơn Lộc thực hiện                         | 570.897.000          |                |
| Công ty Cổ phần Xây dựng 47 thực hiện                                     | 341.913.000          |                |
| - Tư vấn đầu tư xây dựng (Khảo sát; Lập thiết kế bản vẽ thi công-dự toán) | 67.822.000           |                |
| - Chi phí khác (Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán)                   | 98.044.000           |                |

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản:

*Đvt: đồng*

| <b>Tên đơn vị tiếp nhận tài sản</b> | <b>Tài sản dài hạn/cố định</b> |
|-------------------------------------|--------------------------------|
| UBND xã Mỹ Hòa                      | 36.675.459.000                 |

**Điều 4.** Chủ đầu tư, đơn vị tiếp nhận tài sản có trách nhiệm quản lý, sử dụng công trình theo quy định hiện hành. Căn cứ số liệu quyết toán được duyệt, các cơ quan liên quan tiến hành cấp phát, thanh toán, hạch toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản theo đúng quy định.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và PTNT; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT; Chủ tịch UBND huyện Phù Mỹ; Chủ tịch UBND xã Mỹ Hòa và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K7, K10 (15b).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Châu**